TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/DS-ST
Ngày: 12-3-2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hữu Phương;

2/ Bà Lê Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03A/2020/QĐXXDS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Vũ Thị N - có mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

2/ Bị đơn: Ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị L – Đều vắng mặt lần II.

Cùng địa chỉ: Thôn 07, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Đỗ Ngọc H - vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị N trình bày:

Ngày 17/01/2019, bà Vũ Thị N có cho ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị L vay số tiền 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng),* hẹn đến ngày 17/4/2019 ông T, bà L sẽ trả cho bà số tiền trên, thỏa thuận lãi suất bằng miệng 1,5%/tháng. Khi vay các bên có lập 01 giấy viết tay có chữ ký của ông T, bà L. Ông T, bà L có thế chấp cho bà N 01 thửa đất 05 mét chiều ngan, 50 mét chiều sâu ở thôn 07, xã N, huyện S tuy nhiên thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đã quá hạn trả nợ nhưng ông T, bà L chưa trả cho bà N khoản tiền nào. Do đó, bà N khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà L phải trả cho bà N số tiền gốc là 80.000.000đ và tiền lãi trong hạn là 3.600.000đ, lãi chậm trả tính đến ngày 06/11/2019 là: 7.453.000đ, tổng cộng là: 91.053.000đ *(Chín mươi mốt triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng).*

- Bị đơn ông Hoàng Văn T trình bày: Ông T thừa nhận vợ chồng ông có vay của bà Vũ Thị N số tiền 80.000.000đ và lãi suất như bà N trình bày. Đây là khoản nợ của ông và vợ ông là bà Bùi Thị L. Nay, bà N khởi kiện, ông đồng ý trả cho bà N số tiền gốc 80.000.000đ và tiền lãi suất theo yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Bùi Thị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà L vẫn vắng mặt trong các buổi làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản cho bà L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị L phải trả cho bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc H số tiền gốc là 80.000.000đ và tiền lãi suất trong hạn là 3.600.000đ và lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 13.000.000đ. Tổng cộng là 96.600.000đ.

Bị đơn ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị L vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, thư ký phiên tòa, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của BLTTDS, bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của BLTTDS, vắng mặt tại một số phiên làm việc và tại phiên tòa không có lý do, gây khó khăn cho quá trình giải quyết của Tòa án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Bùi Thị L và ông Hoàng Văn T phải trả cho bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc H số tiền 80.000.000đ tiền gốc và lãi suất (tính đến ngày 12/3/2020) với mức lãi suất 1,5%/tháng là: 16.600.000đ.

Các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ gồm: 01 giấy vay tiền lập ngày 17/1/2019 (bản gốc) do nguyên đơn cung cấp. Các đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Vũ Thị N khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị L phải trả số tiền vay ngày 17/1/2019, nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự. Bị đơn ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị L cư trú tại Thôn 7, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Số tiền vay ngày 17/1/2019, thời hạn trả là ngày 17/4/2019. Ngày 16/7/2019 bà Vũ Thị N làm đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Việc vay tiền giữa bà Vũ Thị N và bà Bùi Thị L và ông Hoàng Văn T là có thật. Điều này thể hiện qua 01 giấy vay tiền cá nhân lập ngày 17/1/2019 được bị đơn ông Hoàng Văn T xác nhận. Hợp đồng vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Đến hạn trả nợ, ông T, bà L không trả được tiền như cam kết, vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 BLDS. Do đó, HĐXX xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Bà N và ông H đều thừa nhận số tiền cho ông T, bà L vay là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, cần buộc ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị L phải trả cho bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc H số tiền gốc là 80.000.000đ.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, thấy rằng: Mặc dù trong giấy vay tiền không thể hiện cụ thể lãi suất, tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nên HĐXX chấp nhận. Cần buộc bị đơn phải chịu lãi suất trong hạn của số tiền 80.000.000đ là 3.600.000đ, lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2020 là 13.000.000đ, tổng cộng là 16.600.000đ.

[2.2] Đối với bà Bùi Thị L, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà L vẫn không lên Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà L theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà Bùi Thị L vắng mặt nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của BLTTDS.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội bị đơn ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị L phải chịu án phí DSST là 4.830.000đ. Hoàn trả cho bà Vũ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, Điều 468 của của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc bị đơn ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị L phải trả cho bà Vũ Thị N và ông Đỗ Ngọc H 96.600.000đ *(Chín mươi sáu triệu sáu trăm nghìn*

đồng), trong đó tiền gốc là 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng),* tiền lãi trong hạn là 3.600.000đ *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng),* tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/3/2020 là 13.000.000đ *(Mười ba triệu đồng).*

Bà Bùi Thị L và ông Hoàng Văn T phải chịu lãi suất chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự từ ngày 13/3/2020 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí: Buộc bà Bùi Thị L và ông Hoàng Văn T phải nộp 4.830.000đ *(Bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng)* tiền án phí DSST. Hoàn trả lại cho bà Vũ Thị N 2.050.000đ *(Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002197 ngày 16/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu